

## ĐỀ CUONG

### TỔNG KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TW 5 VỀ CNH, HDH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC.

### ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH NÂNG CAO THU NHẬP VÀ CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN SỐNG CỦA NÔNG DÂN

Phan thứ nhất

#### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010, và đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác đã bước đầu đạt được những thành tựu quan trọng góp phần phát triển kinh tế xã hội cho khu vực nông thôn nói riêng và cả nước nói chung. Bên cạnh đó, việc thực hiện vẫn còn có những mặt tồn tại, hạn chế chưa được giải quyết, một số vấn đề đã nảy sinh. Đi vào cụ thể, có thể kể ra các vấn đề chính của nông thôn hiện nay như: thừa lao động, thiếu việc làm; khả năng cạnh tranh sản phẩm của kinh tế nông thôn chưa cao. thị trường tiêu thụ khó khăn; thu nhập của nông dân thấp và sự phân hoá giàu nghèo tăng; những mâu thuẫn liên quan đến đất đai ngày càng trầm trọng; môi trường nông thôn suy thoái và cấu trúc không gian nông thôn bị phá vỡ; rủi ro trong sản xuất gia tăng, hình thành các mâu thuẫn xã hội mới,...

Để khắc phục những vấn đề nêu trên rất cần có những chính sách phù hợp và đồng bộ. Kết quả đánh giá tình hình thực hiện 5 năm đầu của Nghị quyết Trung ương 5 sẽ là những căn cứ quan trọng để đề xuất chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết các vấn đề của nông dân trong thời gian tới.

#### II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá được tình hình thực hiện Nghị quyết TW 15 và 13 về đẩy nhanh CNH-HDH nông nghiệp, nông thôn và đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác giai đoạn 2001-2005. Xác định rõ những thành tựu đạt được và những hạn chế tồn tại.
2. Đánh giá được thực trạng thu nhập và đời sống của nông dân giai đoạn 2001 – 2005. Xác định những vấn đề bức xúc nhất của nông dân cần phải giải quyết.
3. Đề xuất với Chính phủ các chính sách nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của nông dân và phát huy dân chủ ở cơ sở trong thời gian tới.

Phan thứ hai  
**NỘI DUNG TỔNG KẾT, NGHIÊN CỨU**

**I. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 15 và 13 của TW về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn và đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác giai đoạn 2001-2005.**

1. Tình hình thực hiện các chủ trương CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn và vấn đề đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác.
2. Tình hình thực hiện các giải pháp
3. Những tồn tại và nguyên nhân
4. Một số mô hình thực hiện Nghị quyết 15 và 13 có hiệu quả
5. Các bài học kinh nghiệm sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết TW

*(Có đề cương chi tiết kèm theo)*

**II. Đánh giá thực trạng thu nhập, lao động việc làm, điều kiện sống và các vấn đề liên quan tới nông dân trong 5 năm qua**

Thông qua tổng hợp các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các Viện, Trường và các cơ quan quốc tế thực hiện trong thời gian qua, phân tích các số liệu thống kê, kết hợp khảo sát thực địa, tập trung phân tích đánh giá những vấn đề sau:

**1. Đánh giá tình hình thu nhập của nông dân và tình hình phát triển kinh tế nông thôn**

- Thu nhập, đời sống nông dân: Tổng hợp, phân tích vấn đề thu nhập và đời sống của nông dân, so sánh giữa các vùng miền trên cả nước, giữa thành thị và nông thôn.

- Tình hình phát triển kinh tế nông thôn:

+ Lao động, việc làm nông thôn: Đánh giá thực trạng lao động việc làm nông thôn, tình hình chuyển dịch lao động nông thôn, vấn đề đào tạo lao động nông thôn, những bức xúc trong vấn đề lao động nông thôn hiện nay, cách giải quyết số lao động nhàn rỗi của địa phương.

+ Phân tích sự thay đổi của cơ cấu kinh tế và hệ thống sản xuất trong nông thôn và hiệu quả của sự thay đổi.

+ Phân tích tình hình thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông thôn (sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp)

+ Phân tích tình hình phát triển các tổ chức kinh tế chuyên nghiệp của hộ nông dân

+ Phân tích tình hình nguồn lực **ndng** thôn: vốn, lao động, đất đai, tài nguyên,...

+ Sự tiếp cận dịch vụ sản xuất của nông hộ : dịch vụ đầu vào, đầu ra, dịch vụ tin dụng, công nghệ, khuyến nông

+ Phân tích, đánh giá về điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế **ndng** thôn

## 2. Đánh giá điều kiện sống của nông dân

- Điều kiện ăn, ở của **nbng** dân : Tình hình sử dụng nước sạch nông thôn, điều kiện nhà ở của nông dân.

. - Vấn đề vệ sinh môi trường vùng nông thôn : Xử lý rác thải, nước thải **ndng** thôn,...

- Điều kiện cơ sở hạ tầng xã hội: Điện, giao thông, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, thông tin liên lạc,...

- Tình hình tiếp cận với các dịch vụ công của nông dân

- Tình hình phát triển văn hoá, xã hội nông thôn

## 3. Rà soát các cơ chế, chính sách liên quan đến nông dân

Rà soát lại hệ thống các cơ chế chính sách hiện hành của Trung ương và địa phương có liên quan tới nông dân, phân tích những bất cập xảy ra trong thực tế, xác định nhu cầu chỉnh sửa, bổ xung và ban hành các chính sách mới.

Một số các cơ chế chính sách cần tập trung nghiên cứu là :

- Các cơ chế, chính sách quy định các khoản phải đóng góp của **ndng** dân : Các chính sách về thuế đối với nông dân, chính sách quy định về đóng góp cho giáo dục, y tế, thuỷ lợi **phi**,...

- Chính sách về ruộng đất, đền bù đất, giao đất giao rừng,...

- Chính sách xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo

- Chính sách tài chính tín dụng nông thôn

- Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, nước sạch và VSMT

- Chính sách lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực cho **nbng** thôn

- Nhóm các chính sách về cung cấp dịch vụ công cho nông dân

- Chính sách đầu tư cho nông thôn

- Chính sách về ngân sách cấp xã

-...

### Phần thứ 3

## ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

### I. Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân trong qua trình CNH

1. Lý luận, thực tiễn nước ngoài về phát triển nông thôn và vấn đề nông dân
2. Tổng quan tài liệu một số mô hình phát triển nông thôn thành công ở Việt nam trong thời gian qua

Mô tả và phân tích những điều kiện thành công, khả năng nhân rộng, tinh đột phá của các mô hình phát triển nông thôn được triển khai trong nước, xác định những mô hình có khả năng rút kinh nghiệm để nhân rộng trong định hướng chính sách phát triển nông thôn sắp tới.

Một số mô hình có thể tham khảo là:

- Mô hình tổ chức thể chế nông thôn điển hình, mang tinh đột phá cho hiệu quả cao tại một số địa phương

- Mô hình tổ chức ngành hàng nâng cao tinh cạnh tranh của nông dân trong qua trình hội nhập quốc tế

- Mô hình tổ chức, phát triển một số cụm làng nghề, doanh nghiệp vừa và nhỏ tại một số địa phương trong nước

- Mô hình về chính sách của các địa phương có tinh đột phá, hiệu quả cao trong phát triển nông thôn, trên cơ sở đó đúc rút và xem xét khả năng nhân rộng ra các địa phương khác.

- Mô hình qui hoạch làng xã, tổ chức nông thôn theo không gian để định giá vai trò của qui hoạch đối với sản xuất, đời sống dân cư.

### II. Đề xuất các chính sách nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống của nông dân trong giai đoạn hiện nay và những năm tới

1. Xác định rõ bức xúc hiện nay về thu nhập và đời sống của nông dân, những thách thức cơ bản ở nông thôn và nguyên nhân chính.

#### 2. Đề xuất các chính sách

Trên cơ sở xác định được nhu cầu về chính sách, sẽ đề xuất sửa đổi bổ xung hoặc ban hành những chính sách mới.

Phương hướng đề xuất chính sách là: Khoan sức dân và tăng cường sự hỗ trợ trực tiếp của nhà nước cho nông dân.

Các nhóm chính sách sẽ tập trung nghiên cứu để đề xuất:

- Miễn giảm thuế, phi, đóng góp của hộ nông dân
- Chính sách về lao động, việc làm và đào tạo lao động nông thôn
- Chính sách xóa đói giảm nghèo

- Tăng hỗ trợ của nhà nước cho các dịch vụ công ở nông thôn: dịch vụ sản xuất, dịch vụ đời sống, văn hóa...
- Đổi mới cách tổ chức và cung cấp dịch vụ công cộng
- Khuyến khích đầu tư cho nông thbn, tài chính tin dụng ndng thôn
- Quy hoạch, bố trí không gian nông thôn
- Chính sách đất đai
- Phát triển các hình thức tổ chức của người dân
- Chính sách về tổ chức thực hiện công tác phát triển ndng thôn.
- Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực nông thôn.

### Phan thu tư

## PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

Trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp dưới đây được sử dụng linh hoạt nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu:

- Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 15 và 13 của TW rút ra kinh nghiệm
- Kế thừa các kết quả đã nghiên cứu về phát triển ndng thôn và các số liệu, tài liệu có liên quan.
- Thực hiện một số nghiên cứu chuyên đề.
- Khảo sát thực tế tại một số tỉnh, thành có phong trào phát triển nông thôn phát triển mạnh để có cơ sở thực tiễn về các vấn đề nông nghiệp, ndng thbn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. (Cao Bằng, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nghệ An, Ninh Thuận, Đắk Lắk, TP. HCM, Tây Ninh, An Giang, Tiền Giang). Chú trọng khảo sát, tổng kết các mô hình ở cấp cơ sở (cấp xã).
- Tổ chức hội thảo chuyên môn, tham khảo ý kiến các chuyên gia trong ngành.
- Lay địa ban tỉnh làm đơn vị tổng kết, đánh giá thực trạng phục vụ cho xây dựng đề án. Tất cả các tỉnh đều phải tiến hành sơ kết thực hiện nghị quyết TW 5 về công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông thbn và đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

**Phần thứ năm**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

**I. Thành lập Ban Chi đạo cấp Bộ**

- Ông Cao Đức Phát – Bộ trưởng Bộ NN&PTNT - Trưởng ban
- Ông Lê Huy Ngo – Nguyên Bộ trưởng - Phó trưởng ban
- Ông Diệp Kinh Tân – Thứ trưởng Bộ NN&PTNT - Phó trưởng ban
- Ông Lã Văn Lý- Cục trưởng Cục HTX&PTNT- Ủy viên thường trực
- Ông Đoàn Xuân Hoà - Phó cục trưởng Cục CBNLS&NM - Ủy viên thường trực
- Ông Bùi Tất Tiếp – Phó vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Ủy viên thường trực
- Ông Đặng Kim Sơn – Viện trưởng Viện CS&CL PTNNNT - Ủy viên thường trực
- Ông Vũ Năng Dũng – Viện trưởng Viện QH&TKNN- Ủy viên
- Ông Trang Hiếu Dũng – Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Ủy viên
- Ông Giám đốc Trung tâm Tin học và Thông kê - Ủy viên
- Ông Trần IC Hung – Hiệu trưởng Trường CBQL NNPTNT I – Ủy viên
- Ông Nguyễn Thắng – Hiệu trưởng Trường CBQL NNPTNT II – Ủy viên
- Ông Triệu Văn Hùng – Vụ trưởng Vụ KHCN kiêm Tổng biên tập Tạp chí Nông nghiệp và PTNT – Ủy viên
- Đại diện Ban Kinh tế Trung ương – Ủy viên
- Đại diện Hội Nông dân Việt Nam – Ủy viên
- Đại diện Hội Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam

**II. Thanh lập ts soạn thảo:** Gồm chuyên viên, nghiên cứu viên thuộc các dm vị có liên quan trong Bộ.

***Thường trực tổ soạn thảo***

- Ông Lã Văn Lý- Cục trưởng Cục HTX&PTNT- Thường trực
- Ông Lê Quý Đăng – Phó cục trưởng Cục HTX&PTNT
- Ông Đoàn Xuân Hoà - Phó cục trưởng Cục CBNLS&NM
- Ông Bùi Tất Tiếp – Phó vụ trưởng Vụ Kế hoạch
- Ông Ngô Thế Hiến – Cục Hợp tác xã & PTNT
- Ông Lương Đình Lân – Viện QH&TKNN
- Cán bộ Viện CS&CL PTNNNT.
- Cán bộ Viện QH&TKNN.